

Bản án số: 34/2018/DSST

Ngày: 03/7/2018

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng dân sự, vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tâm

2. Bà Dương Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2018/TLDS-ST, ngày 26/3/2018, về việc tranh chấp “*Hợp đồng dân sự, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Xuân H, sinh năm 1955

Địa chỉ: Số 1/3A, khóm 2, Phường X, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Tạ Thị Phương D, sinh năm 1965; địa chỉ số 239, ấp Tân Vĩnh Thuận, xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long (văn bản ủy quyền ngày 02/5/2018). (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1977 và chị Mai Thúy L, sinh năm 1977; cùng địa chỉ số 220B, Phạm Hùng, Phường 9, thành phố Vĩnh Long. (đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/01/2018 của nguyên đơn Trịnh Xuân H, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ

thẩm, bà Tạ Thị Phương D đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do là chỗ quen biết, nên ngày 11/02/2017, anh Nguyễn Xuân T có vay của bà Trịnh Xuân H số tiền vốn 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 05 tháng, có lập biên nhận. Đến ngày 25/3/2017, anh T và chị Mai Thúy L vay thêm số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), cũng không thỏa thuận lãi suất, không thời hạn trả nợ; có lập biên nhận.

Đến thời hạn trả nợ nhưng anh T, chị L không trả; bà H có đến đòi nhiều lần nhưng anh T, chị L vẫn không trả. Do đó, bà H yêu cầu anh T, chị L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà số tiền vốn 90.000.000đ và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83% tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày xét xử.

Đối với bị đơn Nguyễn Xuân T, Mai Thúy L thì không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo văn bản vay tiền ngày 11/2/2017 và 25/3/2017 thể hiện địa chỉ của anh T, chị L tại số 220/B, Phạm Hùng, Phường 9, thành phố Vĩnh Long và được Công an Phường 9, thành phố Vĩnh Long xác nhận anh T, chị L thực tế cư trú tại địa chỉ trên. **Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã triệu tập anh T và chị L để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh chị vắng mặt, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh chị theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.**

[2] Xét về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về “*Hợp đồng dân sự, vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Xuân H, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào biên nhận ngày 11/02/2017 và 25/3/2017 thể hiện anh T, chị L có vay tiền bà H là có thật. Bà H đã cung cấp các biên nhận này cho Tòa án để chứng minh cho việc khởi kiện, nhưng anh T, chị L không có ý kiến phản đối. Theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, cho thấy anh T, chị L có vay và nhận tiền của bà H là có thật. Xét thấy, hợp đồng vay giữa nguyên và bị đơn thực hiện trên tinh thần tự nguyện, không trái pháp luật hay đạo đức xã hội; đến thời hạn trả nợ, nguyên đơn đòi nhiều lần nhưng bị đơn không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cho nên, bà H yêu cầu anh T, chị L hoàn trả số tiền vốn vay là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét về nghĩa vụ thanh toán, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào biên nhận ngày 11/02/2017 thể hiện anh T vay của bà H 50.000.000đ, nhưng không thể hiện mục đích của việc vay tiền, nên không xác định được nợ chung hay riêng, do đó, anh T phải có nghĩa vụ trả số tiền này; còn biên nhận ngày 25/3/2017 thể hiện cả anh T và chị L vay tiền của bà H 40.000.000đ, cho nên anh T, chị L phải có nghĩa vụ trả cho bà H.

[5] Xét yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử thấy: Cả hai biên nhận đều không thể hiện việc thỏa thuận tiền lãi, tại phiên tòa sơ thẩm bà D cho rằng có thỏa thuận lãi suất nhưng không có chứng cứ chứng minh, nên lời trình bày của bà D là không có căn cứ; cho nên, bà H chỉ được tính lãi kể từ khi đến hạn trả nợ theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm bà D đại diện cho bà H yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng (tương đương 9,96%/năm) kể từ ngày 11/7/2017 đối với biên nhận ngày 11/02/2017 và kể từ ngày khởi kiện 07/02/2018 đối với biên nhận ngày 25/3/2017 là có cơ sở chấp nhận. Việc tính lãi như sau:

Đối với biên nhận ngày 11/02/2017: $50.000.000đ \times 357 \text{ ngày (11/7/2017 đến 03/7/2018)} \times 9,96\%/365 = 4.870.000đ$. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà D đại diện hợp pháp cho nguyên đơn thừa nhận đã nhận tiền lãi của anh T đối với khoản tiền vay này bằng 1.500.000đ, cho nên, anh T phải có nghĩa vụ trả tiền lãi bằng 3.370.000đ;

Đối với biên nhận ngày 25/3/2017: $40.000.000đ \times 146 \text{ ngày (07/02/2018 đến 03/7/2018)} \times 9,96\%/365 = 1.594.000đ$.

[6] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, cho nên các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: Anh T chịu 2.669.000đ; anh T và bà L chịu 2.080.000đ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Xuân H, có bà Tạ Thị Phương D làm đại diện.

Buộc anh Nguyễn Xuân T có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Xuân H số tiền vốn, lãi tổng cộng bằng 53.370.000đ (Năm mươi ba triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng). (Trong đó tiền vốn 50.000.000đ và tiền lãi 3.370.000đ).

Buộc anh Nguyễn Xuân T và chị Mai Thúy L có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Xuân H số tiền vốn, lãi tổng cộng bằng 41.594.000đ (Bốn mươi một triệu năm trăm chín mươi bốn ngàn đồng). (Trong đó tiền vốn 40.000.000đ và tiền lãi 1.594.000đ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc anh Nguyễn Xuân T và chị Mai Thúy L chịu 2.080.000đ (Hai triệu không trăm tám mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Nguyễn Xuân T chịu 2.669.000đ (Hai triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trịnh Xuân H 2.343.000đ (Hai triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0003708, ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Báo cho các đương sự có mặt **biết**, được quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: VT,...

Võ Tấn Thành